

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 08 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 05 năm 2020

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1939 và ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1939; Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị S, sinh năm 1978; Nơi ĐKNKTT: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Nơi tạm trú: Số nhà 41, ngõ 223, đường Đ, phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 20/11/2002; Địa chỉ: Nơi ĐKNKTT: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Nơi tạm trú: Số nhà 41, ngõ 223, đường Đ, phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về di sản:

- Về nguồn gốc tài sản:

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng anh Nguyễn Ngọc M (tên gọi khác Nguyễn Đăng K) và chị Lê Thị S có hình thành một khối tài sản chung gồm: 01 mảnh đất có diện tích 150 m² là đất ở tại nông thôn thuộc thửa đất số 2745, tờ bản đồ số 26 tại địa chỉ: Xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương), đất được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số BG 819501 cấp ngày 18/8/2011 đứng tên anh Nguyễn Ngọc M. Các đương sự thoả thuận thống nhất xác định giá trị đất hiện nay là 500.000.000^d.

Giá trị chứng khoán đầu tư tại Công ty cổ phần chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, giá trị tài sản ròng tính đến ngày 14/5/2020 là 34.000.000^d (đã làm tròn).

Tổng giá trị khối tài sản chung là 534.000.000^d.

- Về di sản của anh Nguyễn Ngọc M: Các đương sự thỏa thuận thống nhất di sản chia thừa kế là $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung nói trên.

2.2. Người thừa kế theo pháp luật của anh Nguyễn Ngọc M có 04 người gồm: chị Lê Thị S, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Đăng K và cháu Nguyễn Thùy L.

2.3. Phân chia di sản thành bốn kỷ phần bằng nhau, giá trị mỗi kỷ phần là $(534.000.000^d : 2) : 4 = 66.750.000^d$. Chị Lê Thị S được nhận kỷ phần bằng hiện vật. Bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Đăng K và cháu Nguyễn Thùy L được nhận kỷ phần bằng giá trị tiền mặt tương đương; cụ thể như sau:

2.3.1. Chị Lê Thị S được:

- Quyền sử dụng 01 Mảnh đất có diện tích 150m² là đất ở tại nông thôn thuộc thửa đất số 2745, tờ bản đồ số 26 tại địa chỉ: Xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương), đất được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số BG 819501 cấp ngày 18/8/2011 đứng tên Nguyễn Ngọc M.

- Quyền sở hữu giá trị chứng khoán đầu tư tại Công ty cổ phần chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh; có số tài khoản 011C102027 mang tên Nguyễn Ngọc M; loại tài khoản: giao dịch thông thường; giá trị tài sản ròng tính đến ngày 14/5/2020 là 34.203.887^d; đơn vị tính VNĐ.

2.3.2. Ông Nguyễn Đăng K và bà Nguyễn Thị D được nhận mỗi người 01 kỷ phần là: $66.750.000^d \times 2 = 133.500.000^d$. (Phần của vợ chồng ông K, bà D; ông K, bà D tặng cho toàn bộ cháu L).

2.3.3. Cháu Nguyễn Thùy L được nhận 01 kỷ phần của mình là 66.750.000^d và 02 kỷ phần do bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Đăng K tặng cho, tổng cộng là: $(66.750.000^d + 133.500.000^d) = 200.250.000^d$.

2.4. Chị Lê Thị S có trách nhiệm thanh toán cho cháu Nguyễn Thùy L là 200.250.000^d.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đăng K và bà Nguyễn Thị D là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

- Cháu Nguyễn Thùy L là người dưới 18 tuổi nên không phải chịu án phí.

- Chị Lê Thị S phải nộp số tiền là $(66.750.000^d \times 5\%) : 2 = 1.669.000^d$ (Một triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Ngọc Bình